

NGHỊ QUYẾT
Về việc thẩm định kết quả đánh giá chất lượng
chương trình đào tạo trình độ đại học ngành Kỹ thuật phần mềm
của Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật Hưng Yên

HỘI ĐỒNG KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC

Căn cứ Thông tư số 04/2025/TT-BGDĐT ngày 17 tháng 02 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định về kiểm định chất lượng chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học;

Căn cứ Quyết định số 685/QĐ-KĐCLGDTL ngày 04 tháng 7 năm 2025 của Giám đốc Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục Thăng Long về việc kiện toàn nhân sự Hội đồng Kiểm định chất lượng giáo dục;

Căn cứ hồ sơ thẩm định kết quả đánh giá chất lượng giáo dục chương trình đào tạo trình độ đại học ngành Kỹ thuật phần mềm của Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật Hưng Yên;

Căn cứ kết quả thẩm định của Hội đồng Kiểm định chất lượng giáo dục phiên họp thứ 21 ngày 21 tháng 8 năm 2025.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thống nhất với kết quả đánh giá chất lượng giáo dục chương trình đào tạo trình độ đại học ngành Kỹ thuật phần mềm của Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật Hưng Yên. Đoàn Đánh giá ngoài đã thực hiện đánh giá chất lượng giáo dục chương trình đào tạo trình độ đại học ngành Kỹ thuật phần mềm của Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật Hưng Yên đúng quy định hiện hành.

Kết quả đánh giá chất lượng giáo dục chương trình đào tạo trình độ đại học ngành Kỹ thuật phần mềm của Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật Hưng Yên sau thẩm định là: Số tiêu chí được đánh giá “Đạt” từ 4 điểm trở lên là 45 tiêu chí (chiếm 90%), trong đó mỗi tiêu chuẩn có ít nhất 50% số tiêu chí đạt yêu cầu (Chi tiết trong Phụ lục I kèm theo Nghị quyết này).

Điều 2. Kiến nghị Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật Hưng Yên cần thực hiện các nhóm giải pháp nâng cao chất lượng giáo dục chương trình đào tạo trình độ đại học ngành Kỹ thuật phần mềm (Chi tiết trong Phụ lục II kèm theo Nghị quyết này).

Điều 3. Hội đồng Kiểm định chất lượng giáo dục đề nghị Giám đốc Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục Thăng Long cấp Giấy chứng nhận kiểm định chất lượng chương trình đào tạo trình độ đại học ngành Kỹ thuật phần mềm của Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật Hưng Yên theo quy định hiện hành./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Hội đồng KĐCLGD;
- Trường ĐH SPKT Hưng Yên;
- Lưu: VT.

**TM. HỘI ĐỒNG
CHỦ TỊCH**



Nguyễn Văn Đường



Phụ lục I

KẾT QUẢ ĐÁNH GIÁ CHẤT LƯỢNG

Chương trình đào tạo trình độ đại học ngành Kỹ thuật phần mềm
của Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật Hưng Yên

(Kèm theo Nghị quyết số 89/NQ-HĐKĐCLGD ngày 23/8/2025
của Hội đồng Kiểm định chất lượng giáo dục)

Tiêu chuẩn, tiêu chí	Đánh giá tiêu chí	Tổng hợp theo tiêu chuẩn			Tiêu chuẩn, tiêu chí	Đánh giá tiêu chí	Tổng hợp theo tiêu chuẩn		
		Mức trung bình	Số tiêu chí đạt	Tỷ lệ số tiêu chí đạt (%)			Mức trung bình	Số tiêu chí đạt	Tỷ lệ số tiêu chí đạt (%)
Tiêu chuẩn 1		3,67	2	66,67	Tiêu chuẩn 7		4,00	5	100
Tiêu chí 1.1	4				Tiêu chí 7.1	4			
Tiêu chí 1.2	3				Tiêu chí 7.2	4			
Tiêu chí 1.3	4				Tiêu chí 7.3	4			
Tiêu chuẩn 2		3,67	2	66,67	Tiêu chí 7.4	4			
Tiêu chí 2.1	4				Tiêu chí 7.5	4			
Tiêu chí 2.2	3				Tiêu chuẩn 8		4,00	5	100
Tiêu chí 2.3	4				Tiêu chí 8.1	4			
Tiêu chuẩn 3		3,67	2	66,67	Tiêu chí 8.2	4			
Tiêu chí 3.1	4				Tiêu chí 8.3	4			
Tiêu chí 3.2	3				Tiêu chí 8.4	4			
Tiêu chí 3.3	4				Tiêu chí 8.5	4			
Tiêu chuẩn 4		4,00	3	100	Tiêu chuẩn 9		4,00	4	80
Tiêu chí 4.1	4				Tiêu chí 9.1	5			
Tiêu chí 4.2	4				Tiêu chí 9.2	3			
Tiêu chí 4.3	4				Tiêu chí 9.3	4			
Tiêu chuẩn 5		3,80	4	80,00	Tiêu chí 9.4	4			
Tiêu chí 5.1	4				Tiêu chí 9.5	4			
Tiêu chí 5.2	4				Tiêu chuẩn 10		4,00	6	100
Tiêu chí 5.3	3				Tiêu chí 10.1	4			
Tiêu chí 5.4	4				Tiêu chí 10.2	4			
Tiêu chí 5.5	4				Tiêu chí 10.3	4			
Tiêu chuẩn 6		4,00	7	100	Tiêu chí 10.4	4			
Tiêu chí 6.1	4				Tiêu chí 10.5	4			
Tiêu chí 6.2	4				Tiêu chí 10.6	4			
Tiêu chí 6.3	4				Tiêu chuẩn 11		3,80	4	80
Tiêu chí 6.4	4				Tiêu chí 11.1	4			
Tiêu chí 6.5	4				Tiêu chí 11.2	4			
Tiêu chí 6.6	4				Tiêu chí 11.3	4			
Tiêu chí 6.7	4				Tiêu chí 11.4	3			
					Tiêu chí 11.5	4			

Mức trung bình	Số tiêu chí đạt	Tỷ lệ số tiêu chí đạt (%)
3,90	44	88



Phụ lục II

KIẾN NGHỊ CẢI TIẾN CHẤT LƯỢNG

Chương trình đào tạo trình độ đại học ngành Kỹ thuật phần mềm của Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật Hưng Yên

(Kèm theo Nghị quyết số 89/NQ-HĐKĐCLGD ngày 23/8/2025 của Hội đồng Kiểm định chất lượng giáo dục)

I. NHỮNG ĐIỂM MẠNH NỔI BẬT

Kết quả đánh giá chất lượng chương trình đào tạo (CTĐT) trình độ đại học ngành Kỹ thuật phần mềm (KTPM) của Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật Hưng Yên, giai đoạn 2019 - 2024 cho thấy có những điểm mạnh cần tiếp tục phát huy như sau:

1. Mục tiêu và chuẩn đầu ra của CTĐT phù hợp với sứ mạng, tầm nhìn của Trường, phù hợp với mục tiêu của giáo dục đại học được quy định trong Luật giáo dục đại học, được định kỳ rà soát và cập nhật, ban hành lại. CTĐT được rà soát, cập nhật vào năm 2020 và 2022 với sự tham gia của các giảng viên và được công bố để giảng viên và sinh viên biết và thực hiện. Chuẩn đầu ra của CTĐT sau khi rà soát được ban hành một cách chính quy, đầy đủ.

2. Bản mô tả CTĐT và đề cương học phần có đầy đủ các nội dung theo yêu cầu, được rà soát và cập nhật. Các đề cương học phần cơ bản được triển khai theo mẫu chung, được rà soát, cập nhật năm 2020 và 2022. Đề cương học phần được giới thiệu đến sinh viên vào buổi học đầu tiên của các học phần. Các hoạt động, phương pháp dạy học cũng như đánh giá được thiết kế trong CTĐT cũng như trong đề cương học phần, hướng đến thực hiện, đo chuẩn đầu ra đã tuyên bố.

3. Chương trình dạy học ngành KTPM được xây dựng thống nhất chung theo quy định của Trường, được rà soát và cập nhật. Chương trình dạy học được thiết kế dựa trên chuẩn đầu ra; các học phần được đối sánh và quy chiếu với chuẩn đầu ra của CTĐT, góp phần thực hiện chuẩn đầu ra của CTĐT. Chương trình dạy học được thiết kế phù hợp, thể hiện tính logic. Học liệu và nội dung của các học phần được cập nhật trong các lần rà soát.

4. Triết lý giáo dục của Trường được tuyên bố chính thức và phổ biến đến các bên liên quan được chuyển tải vào CTĐT thông qua Quy trình xây dựng, thẩm định và ban hành CTĐT. Trường có hệ thống văn bản hướng dẫn phát triển chương trình dạy học, phương pháp dạy học đầy đủ nhằm đáp ứng chuẩn đầu ra, có nền tảng hỗ trợ dạy học trực tuyến. Người học hài lòng với các hoạt động dạy học của giảng viên.

5. Trường có hệ thống văn bản quy định về công tác đánh giá kết quả học tập của người học đầy đủ và được ban hành để thực hiện chung trong toàn Trường. Các quy định được phổ biến đến cán bộ và sinh viên để thực hiện và công khai trên trang web, hệ thống quản lý văn bản nội bộ. Các hoạt động đánh giá học phần được Trường quy định phải hướng đến đo mức độ thực hiện chuẩn đầu ra của

CTĐT. Các phương pháp kiểm tra đánh giá được hướng dẫn, giúp giảng viên có thể lựa chọn các phương pháp kiểm tra đánh giá phù hợp để áp dụng trong các học phần. Giảng viên sử dụng các phương pháp kiểm tra đánh giá kết quả học tập khác nhau trong đánh giá kết quả học tập của người học. Người học hài lòng về kết quả đánh giá của giảng viên và không có trường hợp nào phúc khảo kết quả học tập trong giai đoạn kiểm định chất lượng.

6. Hệ thống văn bản để thực hiện quy hoạch, tuyển dụng và bổ nhiệm, đào tạo, bồi dưỡng, quản trị công việc, đánh giá công việc của đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên đầy đủ, rõ ràng. Tỷ lệ giảng viên có trình độ tiến sĩ trở lên cơ bản bảo đảm yêu cầu CTĐT. Khối lượng công việc của giảng viên được xác định và quy đổi rõ ràng theo từng vị trí việc làm, làm cơ sở để đánh giá, xếp loại, chi trả thu nhập, ... Việc xác định, đánh giá năng lực giảng viên được rà soát, cải tiến theo thời gian. Công tác đào tạo, bồi dưỡng được thực hiện khá hiệu quả đối với Khoa CNTT và CTĐT. Việc quản trị công việc của giảng viên, nghiên cứu viên được thực hiện chặt chẽ, đúng quy định. Loại hình và số lượng hoạt động nghiên cứu khoa học của giảng viên. Hoạt động nghiên cứu khoa học của giảng viên CTĐT đạt kết quả cao thể hiện qua các sản phẩm khoa học trong nước lẫn nước ngoài.

7. Công tác quy hoạch đội ngũ nhân viên được thực hiện dựa trên dự báo nhu cầu thực tế trong hỗ trợ hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học và các hoạt động phục vụ cộng đồng. Đội ngũ nhân viên hỗ trợ đáp ứng yêu cầu công việc được giao, góp phần hỗ trợ hiệu quả các hoạt động của Nhà trường. Các văn bản quy định về tuyển dụng, chuyển đổi vị trí công tác được ban hành với các tiêu chí rõ ràng, phù hợp với các quy định của pháp luật hiện hành, được phổ biến rộng rãi, công bố công khai. Quy định, hướng dẫn đánh giá năng lực của đội ngũ nhân viên được xây dựng, sử dụng trong việc đánh giá chất lượng lao động hàng tháng, tiêu chí xếp loại chất lượng viên chức và người lao động hàng năm. Việc đánh giá hiệu quả công việc dựa trên mô tả năng lực vị trí việc làm được triển khai. Đội ngũ nhân viên tham gia xây dựng, góp ý quy định đánh giá hiệu quả công việc và hài lòng với kết quả đánh giá. Việc theo dõi, giám sát và đánh giá hiệu quả công việc của đội ngũ nhân viên dựa trên quy định về khối lượng công việc cụ thể đã xác định và phân công. Đội ngũ nhân viên hài lòng với kết quả đánh giá.

8. Chính sách, quy định về tuyển sinh, tiêu chí và phương thức tuyển sinh được xác định rõ ràng, được rà soát điều chỉnh hàng năm. Hệ thống quản lý, giám sát sự tiến bộ của người học trong học tập, rèn luyện, kết quả học tập và khối lượng học tập được thiết lập và vận hành tốt. Các hoạt động tư vấn học tập, ngoại khóa, tư vấn việc làm và các dịch vụ hỗ trợ người học trong học tập được triển khai đa dạng, rộng rãi. Mức độ hài lòng của người học và người học tốt nghiệp về chất lượng, hiệu quả các hoạt động tư vấn học tập, tư vấn việc làm ở mức cao. Môi trường tâm lý, xã hội, môi trường làm việc học tập thân thiện. Cảnh quan sư phạm sạch sẽ, bảo đảm vệ sinh, an toàn.

9. Hệ thống phòng học, chức năng, thực hành và trang thiết bị cơ bản phù hợp; có các quy định quản lý, sử dụng máy móc thiết bị; thường xuyên có kế

hoạch, dự trù và kinh phí cải tạo, nâng cấp các tòa nhà, phòng học, phòng làm việc, sửa chữa, mua sắm thiết bị, có người phụ trách để hỗ trợ các hoạt động, đáp ứng yêu cầu đào tạo, nghiên cứu khoa học. Thư viện, có đủ các phòng đọc, có 02 cổng thông tin website: thuvien.utehy.edu.vn và thuvienso.utehy.edu.vn; các nội quy, quy định; quy trình quản lý, sử dụng, kết nối được với thư viện nhiều trường đại học trong cả nước. Hệ thống CNTT cơ bản đáp ứng yêu cầu đào tạo, nghiên cứu khoa học và có đơn vị, cá nhân vận hành ổn định, an toàn hệ thống CNTT. Một số tiêu chuẩn cụ thể về môi trường, sức khỏe và an toàn được ban hành, có các quy định chức năng, nhiệm vụ cho các phòng, ban chức năng quản lý triển khai thực hiện hằng năm.

10. Hệ thống thu thập thông tin phản hồi và nhu cầu của các bên liên quan được thiết lập. Thông tin phản hồi và nhu cầu của các bên liên quan được thu thập, xử lý và sử dụng để thiết kế/phát triển chương trình dạy học. Quy trình thiết kế và phát triển CTĐT và chương trình dạy học của Trường được thiết lập, được rà soát, đánh giá và cải tiến. Đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên tham gia thực hiện CTĐT có một số đề tài nghiên cứu khoa học có nội dung liên quan đến hoạt động dạy và học, có các bài báo, báo cáo khoa học được truyền tải thành nội dung giảng dạy và cải tiến hoạt động giảng dạy của giảng viên và hoạt động học tập của người học. Hoạt động dạy học, kiểm tra đánh giá của giảng viên đối với người học; chất lượng các dịch vụ hỗ trợ của thư viện, phòng thí nghiệm, hệ thống CNTT và các dịch vụ hỗ trợ khác được quy định rõ ràng, được đánh giá và cải tiến. Cơ chế phản hồi của các bên liên quan có tính hệ thống. Chính sách bảo đảm chất lượng, các quy định và công cụ khảo sát lấy ý kiến phản hồi của các bên liên quan được đánh giá và cải tiến.

11. Nhà trường đã thiết lập hệ thống quản lý kết quả đầu ra cụ thể với quy trình giám sát chặt chẽ về tỉ lệ thôi học, tốt nghiệp và thời gian tốt nghiệp trung bình của sinh viên. Công tác thống kê, lưu trữ danh sách người học tốt nghiệp có việc làm được thực hiện bài bản. Tỷ lệ phản hồi các đợt khảo sát mức việc làm của sinh viên đạt ở mức cao và được phân loại chi tiết về tình hình việc làm. Hoạt động nghiên cứu khoa học của sinh viên được xác lập rõ ràng với nhiều loại hình đa dạng và có sự gia tăng đáng kể về số lượng sinh viên tham gia qua các năm. Nhà trường đã xây dựng hệ thống thu thập ý kiến phản hồi từ các bên liên quan bằng nhiều phương pháp và công cụ hiện đại, áp dụng CNTT vào xử lý dữ liệu khảo sát. Đặc biệt, Nhà trường đã thực hiện tốt việc đối sánh tỉ lệ thôi học, tốt nghiệp giữa các ngành trong Trường, đồng thời phân tích nguyên nhân sinh viên thôi học, tốt nghiệp muộn để đề xuất các biện pháp hỗ trợ phù hợp. Nhà trường cũng đã chú trọng đầu tư cho hoạt động nghiên cứu khoa học phù hợp với xu thế phát triển của thời đại thông qua việc ký kết hợp tác với các doanh nghiệp và thành lập Trung tâm Đổi mới sáng tạo và chuyển giao công nghệ.

II. KIẾN NGHỊ

Tuy nhiên, CTĐT còn những điểm tồn tại cần khắc phục (Chi tiết như đã nêu trong Báo cáo đánh giá ngoài của đoàn Đánh giá ngoài). Trên cơ sở hồ sơ

thẩm định và kết quả thảo luận tại phiên họp, Hội đồng Kiểm định chất lượng giáo dục kiến nghị Nhà trường cần xây dựng kế hoạch cải tiến chất lượng theo 11 nhóm giải pháp sau đây:

1. Rà soát lại mục tiêu, chuẩn đầu ra của CTĐT, phát biểu mục tiêu và chuẩn đầu ra tường minh hơn; nâng cao chất lượng của hoạt động khảo sát và phân tích kết quả, tách việc khảo sát riêng cho từng CTĐT và khảo sát đầy đủ các bên liên quan để có thông tin toàn diện sử dụng trong cải tiến CTĐT; đánh giá nhu cầu của thị trường lao động, nhu cầu nhân lực trong lĩnh vực KTPM ở địa phương để có cơ sở điều chỉnh mục tiêu đào tạo phù hợp, đáp ứng với chiến lược phát triển kinh tế xã hội của địa phương; nghiên cứu phương pháp đối sánh CTĐT KTPM với các CTĐT khác và ban hành hướng dẫn thực hiện, lưu ý đối sánh với các CTĐT của các trường đại học ở top đầu ở châu Á và thế giới để thực hiện tầm nhìn của Trường.

2. Rà soát các chuẩn đầu ra của CTĐT cũng như chuẩn đầu ra của các học phần để bảo đảm các chuẩn đầu ra là đo lường được, số lượng các chuẩn đầu ra ở các học phần vừa phải để khả thi thực hiện và được đối sánh và quy chiếu chính xác với chuẩn đầu ra của CTĐT. Mục tiêu các học phần cần được thu gọn, tuyên bố ở mức khái quát cao hơn; khảo sát bên liên quan về sự hài lòng đối với chuẩn đầu ra về Bản mô tả CTĐT, phương thức ban hành Bản mô tả CTĐT; công khai đầy đủ Bản mô tả CTĐT cũng như đề cương học phần bằng các hình thức khác nhau; rà soát các học liệu của các học phần; bổ sung phân tích về lộ trình học tập và kế hoạch tuyển môn học, triển khai phân tích năng lực người học tích lũy được theo thời gian; khảo sát, đánh giá mức độ hài lòng về nội dung thông tin, các hình thức tiếp cận đối với Bản mô tả CTĐT và đề cương học phần với các bên liên quan đặc biệt là sinh viên để có những cải tiến phù hợp; xây dựng/bổ sung vào ứng dụng trên điện thoại thông minh, sổ tay sinh viên điện tử, ... công bố các thông tin về CTĐT, Bản mô tả CTĐT và đề cương học phần để tăng khả năng tiếp cận, tra cứu, đặc biệt là đối với sinh viên, cựu sinh viên và nhà sử dụng lao động.

3. Trường nên phân tích lộ trình tuyển môn học trong chương trình dạy học, đánh giá hiệu quả của việc tăng cường thêm 20 tín chỉ so với CTĐT năm 2020; phân tích chính xác sự đáp ứng chuẩn đầu ra của CTĐT ở các học phần, phát biểu chuẩn đầu ra của các học phần chuẩn chỉnh hơn; rà soát, cân nhắc số lượng chuẩn đầu ra và mục tiêu ở các học phần cho phù hợp, khả thi, đặc biệt là các học phần ngoại ngữ; rà soát sự đáp ứng các chuẩn đầu ra đối với phương pháp dạy học và phương pháp kiểm tra đánh giá; tiến hành đánh giá mức độ đạt được chuẩn đầu ra của CTĐT một cách định kỳ và mở rộng đánh giá mức độ hình thành năng lực người học theo thời gian; nâng cao chất lượng của hoạt động lấy ý kiến phản hồi của người học, triển khai đều đặn việc khảo sát người học về CTĐT và phân tích kết quả chuyên sâu theo CTĐT để phục vụ cải tiến chất lượng.

4. Động viên, khuyến khích giảng viên, sinh viên thực hiện triết lý giáo dục của Trường trong các hoạt động thực tiễn; rà soát lại các phương pháp dạy học và việc đáp ứng chuẩn đầu ra của các học phần, bảo đảm tính khả thi; đa dạng hoá

hoạt động dạy học ở học phần song song với việc triển khai trong thực tiễn; giám sát sự đồng bộ giữa nội dung được thiết kế trong CTĐT với thực tế triển khai; đánh giá sự hiểu biết của giảng viên và người học về triết lý giáo dục và hiệu quả của việc áp dụng trong thực tiễn công việc.

5. Trường nên rà soát, đánh giá tính khả thi, độ tin cậy, độ giá trị của các hình thức và công cụ kiểm tra đánh giá thường xuyên, đánh giá cuối kỳ; sử dụng các ma trận phân tích trong thiết kế công cụ đánh giá và hướng dẫn đánh giá người học để gắn kết hoạt động đánh giá quá trình, cuối kỳ với chuẩn đầu ra; rà soát, phân tích, đánh giá mức độ phù hợp và khả năng hỗ trợ lẫn nhau góp phần đạt chuẩn đầu ra của tổ hợp các phương pháp dạy học, phương pháp kiểm tra đánh giá được lựa chọn trong các đề cương học phần cũng như giám sát việc thực hiện đề cương học phần trong thực tiễn, bảo đảm việc thiết kế và thực hiện là đồng bộ. Các đề thi cần được xây dựng kèm theo ma trận ra đề để bảo đảm các đề thi đo chính xác các chuẩn đầu ra của học phần, kèm theo hướng dẫn chấm điểm (rubric) phù hợp hơn; xây dựng ngân hàng câu hỏi thi được chuẩn hoá để xây dựng đề thi một cách khách quan, công bằng và độc lập trên cơ sở chung là đề cương học phần. Việc đánh giá mức độ đạt được của chuẩn đầu ra và năng lực người học cần được thực hiện, cải tiến và nâng cao chất lượng; rà soát lại đề cương học phần, cập nhật phương pháp dạy học phù hợp, đa dạng hoá phương pháp kiểm tra đánh giá và đồng bộ giữa việc thiết kế phương pháp kiểm tra đánh giá trong học phần; hướng dẫn và có chính sách khuyến khích giảng viên tích cực tham gia vào hoạt động đổi mới phương pháp kiểm tra đánh giá và phương pháp dạy học.

6. Ban hành đầy đủ kế hoạch hàng năm phát triển đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên, có phân định theo từng ngành; xác định đầy đủ và rõ ràng nhóm năng lực cốt lõi của giảng viên, nghiên cứu viên trong Khung năng lực và ban hành bộ chỉ số đánh giá năng lực KPIs của giảng viên, nghiên cứu viên để đánh giá được đầy đủ các năng lực của đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên; xây dựng kế hoạch hoạt động khoa học dài hạn theo mục tiêu trong Chiến lược. Cần có chính sách khuyến khích giảng viên CTĐT thực hiện các đề tài nghiên cứu khoa học từ cấp bộ/tỉnh trở lên.

7. Lập công cụ và quy trình phân tích (dựa trên số liệu thống kê, dự báo xu hướng đào tạo, quy mô sinh viên, ...) để làm cơ sở xây dựng chiến lược phát triển đội ngũ nhân viên phù hợp với định hướng chuyển đổi số và phát triển bền vững; định kỳ rà soát và cập nhật khung năng lực theo Đề án vị trí việc làm, bảo đảm phù hợp với xu hướng chuyển đổi số và yêu cầu thực tiễn trong từng giai đoạn phát triển; xây dựng công cụ hỗ trợ chuyên nghiệp hơn trong việc đánh giá công việc của đội ngũ nhân viên trên cơ sở xây dựng bộ tiêu chí đánh giá có tính định lượng về năng lực chuyên môn, nghiệp vụ, mức độ hoàn thành nhiệm vụ theo vị trí công việc; đánh giá hiệu quả công tác đào tạo, bồi dưỡng và xây dựng kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng dài hạn, trung hạn trên cơ sở năng lực cần có của từng vị trí việc làm của đội ngũ nhân viên hỗ trợ, đáp ứng với mục tiêu chiến lược và sứ mạng của Trường; cải tiến biểu mẫu về phân công nhiệm vụ của các đơn vị, bổ sung các yêu cầu về chất lượng, tiến độ công việc để giám sát, đánh giá chất lượng,

hiệu quả công việc cụ thể, rõ ràng hơn.

8. Định kỳ hàng năm thực hiện phân tích/dự báo nhân lực một cách đầy đủ, toàn diện, lập báo cáo tổng hợp cụ thể, làm cơ sở tốt cho việc xây dựng chính sách tuyển sinh; khảo sát, thu thập đầy đủ hơn ý kiến các bên liên quan khi xây dựng, rà soát các tiêu chí, phương thức tuyển chọn người học, đánh giá đầy đủ, toàn diện về tiêu chí, phương thức tuyển sinh, làm cơ sở vững chắc, khoa học cho các điều chỉnh, cập nhật hàng năm; nghiên cứu nâng cấp, bổ sung tính năng cảnh báo học vụ tự động để có thể cảnh báo sớm và kịp thời đến cố vấn học tập và người học, giúp nâng cao hiệu quả giám sát sự tiến bộ của người học; định kỳ hàng năm khảo sát mức độ hài lòng của người học về chất lượng dịch vụ hỗ trợ, tư vấn học tập và việc làm, đặc biệt đối với người học trình độ thạc sĩ. Các báo cáo kết quả khảo sát cần tổng hợp kết quả theo từng câu hỏi, chia theo CTĐT, theo khóa học; triển khai hoạt động hỗ trợ tâm lý, sức khỏe tâm thần cho người học theo chức năng nhiệm vụ đã được giao; tổ chức kiểm tra sức khỏe định kỳ hàng năm cho người học theo quy định; nâng cấp, cải tạo ký túc xá, cải thiện điều kiện phòng chống cháy nổ khu vực ký túc xá góp phần cải thiện cảnh quan, môi trường khu vực này.

9. Thường xuyên rà soát, bổ sung, nâng cấp trang thiết bị cho phòng học và thực hành khi bị hỏng, hoặc không còn phù hợp; phát triển hệ thống quản trị thư viện hướng đến phát triển không gian tri thức số, hiện đại phù hợp với tầm nhìn của Trường; điều chỉnh thời gian mở cửa thư viện phù hợp với nhu cầu của người học; bổ sung tài liệu như đã ghi trong đề cương chi tiết ở một số học phần đầy đủ, đúng kế hoạch, đúng quy định và cập nhật; xây dựng và khai thác hiệu quả các hệ thống CNTT trong quản lý, quản trị và các hoạt động có tính hệ thống; có lộ trình xúc tiến nhanh để đạt được tầm nhìn cũng như mục tiêu trong đề án chuyển đổi số của Trường; mở rộng mạng wifi ở một số khu vực cho người học; thường xuyên cập nhật các văn bản về môi trường, sức khỏe và an toàn; xây dựng môi trường học tập phù hợp cho người khuyết tật.

10. Chú trọng thu thập thông tin về nhu cầu đào tạo và yêu cầu về năng lực của các vị trí việc làm tại nơi sử dụng lao động làm cơ sở rà soát, điều chỉnh và phát triển CTĐT và chương trình dạy học; quy định, hướng dẫn cụ thể việc sử dụng ma trận liên kết chuẩn đầu ra và các học phần của CTĐT trong việc thiết kế đề cương chi tiết các học phần dựa trên chuẩn đầu ra và đánh giá mức độ đóng góp của các học phần vào chuẩn đầu ra của CTĐT; thể hiện kết quả khảo sát các tiêu chí theo mẫu đã ban hành; đánh giá mức độ tương thích phù hợp các phương pháp dạy - học và phương pháp kiểm tra đánh giá của giảng viên với chuẩn đầu ra của học phần; tách riêng kết quả đánh giá cho CTĐT; kết hợp hài hòa giữa nghiên cứu khoa học chuyên ngành và nghiên cứu phát triển CTĐT, chương trình dạy học, đổi mới phương pháp dạy - học và đánh giá kết quả học tập của người học của chính CTĐT đang được tổ chức đào tạo tại Trường; rà soát phiếu khảo sát, tách riêng các tiêu chí, đánh giá đầy đủ chất lượng các dịch vụ hỗ trợ và tiện ích đánh giá chất lượng dịch vụ và tiện ích của thư viện, phòng thí nghiệm/thực hành và hệ thống CNTT; tách riêng kết quả đánh giá cho CTĐT tăng cường kết nối giữa các bên liên quan trong việc thu thập, xử lý, chia sẻ, sử dụng thông tin

phản hồi của các bên liên quan, nâng cao hiệu quả sử dụng kết quả khảo sát, đánh giá trong việc nâng cao chất lượng các mặt hoạt động dạy và học của CTĐT.

11. Tổng kết, đánh giá hiệu quả các biện pháp hỗ trợ sinh viên rút ngắn thời gian tốt nghiệp và thực hiện việc đối sánh thời gian tốt nghiệp trung bình với cùng ngành ở các cơ sở giáo dục khác; bổ sung thông tin chi tiết về vị trí làm việc, mức thu nhập bình quân và đơn vị công tác của sinh viên tốt nghiệp trong các báo cáo khảo sát tình hình việc làm, đồng thời thực hiện việc đối sánh tỷ lệ có việc làm giữa các CTĐT và với các cơ sở giáo dục khác; tăng cường các biện pháp khuyến khích sinh viên tham gia nghiên cứu khoa học, tổ chức các cuộc thi, hội thảo, câu lạc bộ nghiên cứu khoa học, và đào tạo kỹ năng viết bài báo khoa học cho sinh viên; tăng cường tần suất khảo sát các bên liên quan để bảo đảm tính cập nhật và kịp thời của thông tin phản hồi, đồng thời thực hiện việc đối sánh mức độ hài lòng của các bên liên quan đối với CTĐT ngành KTPM với các CTĐT trong và ngoài nước. Cuối cùng, cần cung cấp thông tin cụ thể về việc sử dụng kết quả khảo sát mức độ hài lòng để cải tiến chất lượng CTĐT ngành KTPM.

Trên đây là những kiến nghị của Hội đồng Kiểm định chất lượng giáo dục với 11 nhóm giải pháp, Nhà trường cần nghiên cứu kỹ Báo cáo đánh giá ngoài của đoàn Đánh giá ngoài để xây dựng kế hoạch với những giải pháp cụ thể và triển khai thực hiện cải tiến chất lượng chương trình đào tạo trình độ đại học ngành Kỹ thuật phần mềm của Nhà trường. Sau nửa chu kỳ kiểm định chất lượng giáo dục (vào thời điểm 2,5 năm sau khi được công nhận đạt tiêu chuẩn chất lượng giáo dục), Nhà trường cần có báo cáo kết quả thực hiện cải tiến chất lượng chương trình đào tạo gửi Bộ Giáo dục và Đào tạo và Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục Thăng Long theo quy định hiện hành./.